

Bản án số: 04/2024/HC-PT

Ngày 17/01/2024.

*V/v khiếu kiện yêu cầu hủy
quyết định hành chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến

ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 360/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 549/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Dương Minh N (Dương Thị Minh N), sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 379 đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: số 259/9 đường T2, tổ 18, phường H1, quận C, thành phố Đà Nẵng (văn bản uỷ quyền ngày 16/02/2023). Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: số 24 đường T1, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Quang N - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (văn bản uỷ quyền số 33/UQ-UBND ngày

20/12/2022). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Hồng A - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: số 486 đường Lê Văn Hiến, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Mai N3 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng (văn bản uỷ quyền số 23/GUQ-UBND ngày 30/8/2023). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: số 423 đường M, phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp: ông Ngô Thanh Tr - Chức vụ: Chủ tịch UBND phường H2. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Mai Xuân A1, sinh năm 1955. Địa chỉ: tổ 10, B2, phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Mai S. Địa chỉ: tổ 10, B2, phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Dương Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà Dương Minh N trình bày:*

Ông Mai Xuân A1 và ông Mai S có chuyển nhượng cho bà Dương Minh N 123m² đất thổ cư tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 02 (đăng ký theo Nghị định 64/CP - 1993), địa chỉ tổ 1, K1, phường H2, quận N1, thành phố Đà Nẵng theo bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND phường H2 ký ngày 22/4/2003. Đây là một phần của thửa đất số 203 và 551, tờ bản đồ số 1, do bà Trần Thị P (mẹ của ông A1, ông S) kê khai đăng ký theo Chi thị 299/TTg năm 1980. Bà N đã nộp thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2003 đến năm 2011. Tháng 11/2006, bà N nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận N1. Sau đó, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận N1 cử ông Khương Đình Th đến đo đạc và lập hồ sơ pháp lý, hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

Trong thời gian chờ đợi hơn 01 năm cơ quan thẩm quyền chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N, thì cuối năm 2007, bà N nhận được Quyết định số 5340/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1 về việc thu hồi đất của bà giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng để thực hiện dự án “Du

lich sinh thái và sân golf”. Sau đó, dự án này không thực hiện. Năm 2010, thành phố thực hiện dự án “Khu du lịch sinh thái làng quê và quần thể du lịch sông nước” bắt đầu kiểm định, áp giá đền bù không thỏa đáng nên bà N không chấp nhận và làm đơn khiếu nại.

Đầu năm 2018, UBND quận N1 họp giải quyết đơn của bà N cùng 05 trường hợp khác. Tại cuộc họp này, ông Nguyễn H4 - Phó Chủ tịch UBND quận N1 hứa sẽ giải quyết bố trí cho mỗi hộ 01 lô đất tái định cư nhưng mãi cho đến tháng 3/2021, bà N vẫn chưa nhận được tiền bồi thường thiệt hại và bố trí đất tái định cư.

Ngày 23/3/2021, bà N làm đơn kiến nghị yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường thiệt hại về đất ở và bố trí một lô nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà theo quy định của pháp luật. Nhưng do tình hình giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid 19 nên đến tháng 4/2022 bà N mới nhận được văn bản trả lời số 199/HĐBTTH&GPMB ngày 10/05/2021 của quận N1, trong đó có căn cứ “Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012:

“- Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hằng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đồng/m²) diện tích: 108,0m², thành tiền: 3.780.000đ (ba triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

- Bồi thường cây cối, hoa màu theo QĐ 36/2009/QĐ-UBND.”

Trong văn bản trả lời nói trên, có nêu lý do đất của bà N là đất trồng rừng và đất 02 lúa. Lý do đó không đúng sự thật. Bởi vì: đất ông A1 và ông S chuyển nhượng cho bà N là đất thổ cư do bà Trần Thị P kê khai đăng ký 299/TTg năm 1980 tại thửa 203 và 551, tờ bản đồ số 1 là đất thổ cư, diện tích 1.528m²; thửa 552, diện tích 149m² là đất 2 lúa. Khi đăng ký Nghị định 64/CP năm 1993, hai thửa đất 203 và 551 nhập lại thành thửa đất 132, tờ bản đồ số 02. Sau khi nhận đất, bà N đã nộp thuê đất phi nông nghiệp từ năm 2003 đến năm 2011.

Ngày 18/8/2023, bà Dương Minh N có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên hủy Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 163,1m² đất do hộ bà Dương Minh N đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện xác định lại yêu cầu khởi kiện là:

- Hủy một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương

Minh N. Buộc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành lại quyết định hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương Minh N.

- Hủy Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 163,1m² đất do hộ bà Dương Minh N đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng).

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có văn bản trình bày:*

Về nguồn gốc đất thu hồi và quá trình sử dụng:

Chủ hộ khai: nguồn gốc đất của bà Trần Thị P sử dụng trước năm 1975, sau đó thừa kế lại cho ông Mai Xuân A1 và ông Mai S tiếp tục sử dụng.

- Theo Đăng ký theo Nghị định 64/CP tại tờ bản đồ số 2, thửa đất số 132, diện tích 4.120,0m² đất Rtr/G, do UBND phường H2 quản lý.

- Hiện trạng hồ sơ kiểm định lập ngày 10/01/2008: trồng tre, thầu đâu, gỗ tạp.

Chủ hộ có Đơn kiến nghị việc đền bù về đất ở và bổ sung các giấy tờ:

- Hồ sơ thừa kế của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S được UBND phường H2 xác nhận ngày 08/9/2004.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S cho bà Dương Minh N diện tích: 123,0m² (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 02) được UBND phường H2 xác nhận ngày 15/4/2003 với nội dung: UBND phường H2 xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân A1 và Mai S cho bà Dương Minh N, hai bên đã thống nhất diện tích và các cam kết như trong Hợp đồng của đôi bên đã ký kết là đúng.

Biên lai thuế nhà đất năm 2006 (ghi thu 2003-2006), bà N đứng tên nộp thuế.

Đổi chiếu theo bản đồ 299/TTg thuộc tờ bản đồ số 1, một phần thửa đất số 203, có diện tích 17,9m² nằm trong tổng diện tích 408,0m² đất thổ cư do bà Trần Thị P kê khai và một phần thửa đất số 204, có diện tích 105,1m² trong tổng diện tích 13.359,0m² đất màu do Hợp tác xã quản lý.

Các chế độ, chính sách đã đền bù, hỗ trợ:

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất như trên, hồ sơ bà Dương Minh N đã được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt giải quyết các chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 100% đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đồng/m²) cho diện tích 163,1m² (thay cho mức không đền bù về đất trước đây).

- Bồi thường cây cối, hoa màu trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND.
(Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 6.796.500đồng).

Ý kiến của UBND thành phố về kiến nghị đối với bà Dương Minh N:

- Ông Mai Xuân A1 và ông Mai S ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Dương Minh N được UBND phường H2 xác nhận năm 2003 nhưng đến năm 2004 mới lập hồ sơ thừa kế đất của mẹ Trần Thị P để lại. Như vậy, hồ sơ không hợp lệ.

- Nội dung Hợp đồng chuyển nhượng nêu: “Chuyển nhượng một phần diện tích thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 2”. Qua đối soát theo bản đồ địa chính 64/CP, là đất rừng trồng do UBND phường quản lý. Do đó, không có cơ sở cho việc chuyển nhượng, không xác định là đất thổ cư.

Căn cứ Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án khu đô thị ven sông H2 - Đồng Nò), diện tích thu hồi không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc đất khuôn viên, thì không đủ điều kiện bố trí tái định cư quy định tại Điều 47 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Đối với trường hợp của bà Dương Minh N, hồ sơ kiểm định không có nhà ở, không có hộ khẩu tại nơi giải tỏa, không được bồi thường về đất ở. Do đó, không có cơ sở xem xét, giải quyết bố trí đất tái định cư.

Do đó, một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Dương Minh N là có cơ sở, đúng quy định và đã có xem xét hỗ trợ thêm.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015 về thời hiệu khởi kiện: "a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc". Do đó, việc bà Dương Minh N khởi kiện đối với một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của Chủ tịch UBND thành phố liên quan đến việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Dương Minh N thuộc diện giải tỏa đề thực hiện dự án khu đô thị ven sông H2 - Đồng Nò tại phường H2 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng có văn bản trình bày:*

Hộ bà Thái Dương Mỹ Hạnh và hộ bà Dương Minh N thuộc diện giải tỏa đi

hấn để thực hiện xây dựng dự án khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án khu đô thị ven sông H2 - Đồng Nò).

a) Về nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng sử dụng và giấy tờ liên quan:

Chủ hộ khai: nguồn gốc đất của bà Trần Thị P sử dụng trước năm 1975, sau đó thừa kế lại cho ông Mai Xuân A1 và ông Mai S tiếp tục sử dụng.

- Theo đăng ký Nghị định 64/CP tại tờ bản đồ 2, thửa 132, diện tích: 4.120,0m² đất Rtr/G, do UBND phường H2 quản lý.

- Hiện trạng hồ sơ kiểm định lập ngày 10/01/2008: trồng tre, thầu đâu, gỗ tạp.

Chủ hộ có Đơn kiến nghị việc đền bù về đất ở, và bổ sung các giấy tờ:

- Hồ sơ thừa kế của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S được UBND phường H2 xác nhận ngày 08/9/2004.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân A1 và ông Mai S cho bà Dương Minh N diện tích 123,0m² (thửa 132, tờ bản đồ 2), được UBND phường H2 xác nhận ngày 15/4/2003, với nội dung: UBND phường Hòa Quý xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân A1 và Mai S cho bà Dương Minh N, hai bên đã thống nhất diện tích và các cam kết như trong Hợp đồng của đôi bên đã ký kết là đúng.

- Biên lai thuê nhà đất năm 2006 (ghi thu 2003-2006), bà N đứng tên nộp thuế.

Đôi chiếu theo bản đồ 299/TTg thuộc tờ bản đồ 1, một phần thửa 203, có diện tích: 17,9m² nằm trong tổng diện tích: 408,0m² đất thổ cư do bà Trần Thị P kê khai và một phần thửa 204, có diện tích: 105,1m² trong tổng diện tích: 13.359,0m² đất màu do Hợp tác xã quản lý.

b) Về kết quả giải quyết của UBND thành phố:

Trên cơ sở nguồn gốc đất và các giấy tờ liên quan, Hội đồng BTTH&GPMB đã có báo cáo đề xuất và được UBND thành phố phê duyệt giải quyết tại Quyết định 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 như sau:

- Hỗ trợ 100% đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đồng/m²) cho diện tích: 163,1m.

- Bồi thường cây cối, hoa màu trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND.

(Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 6.796.500đồng).

c) Ý kiến của UBND quận về đề xuất UBND thành phố giải quyết kiến nghị đối với hộ bà Dương Minh N:

- Ông Mai Xuân A1 và ông Mai S ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Dương Minh N được UBND phường H2 xác nhận năm 2003 nhưng đến năm 2004 mới lập hồ sơ thừa kế đất của mẹ Trần Thị P để lại. Như vậy,

hồ sơ không hợp lệ.

- Nội dung Hợp đồng chuyển nhượng nêu: “Chuyển nhượng một phần diện tích thuộc thửa 132, tờ bản đồ 2”. Qua đối soát theo bản đồ địa chính 64/CP, là đất rừng trồng do UBND phường quản lý. Do đó, không có cơ sở cho việc chuyển nhượng, không xác định là đất thổ cư.

Căn cứ Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án khu đô thị ven sông H2 - Đồng Nò), diện tích thu hồi không được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc đất khuôn viên, thì không đủ điều kiện bố trí tái định cư quy định tại Điều 47 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Đối với các trường hợp của bà Dương Minh N, hồ sơ kiểm định không có nhà ở, không có hộ khẩu tại nơi giải tỏa, không được bồi thường về đất ở. Do đó, không có cơ sở xem xét, giải quyết bố trí đất tái định cư.

Như vậy, kết quả bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/2/2012 đối với hồ sơ số 533 của bà Dương Minh N là đầy đủ, đúng quy định. Do vậy, UBND quận N1 không có cơ sở đề xuất UBND thành phố xem xét, giải quyết kiến nghị của chủ hộ về việc bồi thường đất và bố trí đất tái định cư.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 163,1m² đất do hộ bà Dương Minh N đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng), UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng nêu quan điểm:

Hộ bà Dương Minh N (Dương Thị Minh N) có hồ sơ giải tỏa đền bù số 533 (diện thu hồi hết đất) để thực hiện xây dựng dự án: khu đô thị biệt thự sinh thái, công viên văn hóa làng quê và quần thể du lịch sông nước (nay là dự án khu đô thị ven sông H2 - Đồng Nò).

Liên quan đến đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1: căn cứ Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất, giao đất cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố, UBND quận N1

đã triển khai thực hiện công tác đền bù giải tỏa theo đúng phương án phê duyệt đền bù, hỗ trợ, tái định cư của UBND thành phố; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật từ các khâu như: công bố quy hoạch, xác lập hồ sơ, xét tính pháp lý, thu hồi đất, phê duyệt kết quả đền bù, thông báo kết quả giải quyết đền bù giải tỏa, giải quyết đơn kiến nghị của công dân.

Từ những thủ tục nêu trên, đến nay dự án đã được nhân dân đồng tình và thống nhất kết quả giải quyết của UBND thành phố, đã bàn giao mặt bằng và dự án cơ bản đã hoàn thành xong công tác giải tỏa.

Do đó, yêu cầu của bà Dương Minh N (Dương Thị Minh N) về việc đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1 thu hồi 163,10m² do hộ bà Dương Minh N đang sử dụng để thực hiện dự án là không có cơ sở.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường H2, quận N1 trình bày: UBND phường tiến hành kiểm tra, xác minh hồ sơ qua các thời kỳ để lại và hiện trạng thửa đất đang kiến nghị, cụ thể như sau: theo đăng ký Chỉ thị 299/TTg trước 18/12/1980 không tên trong sổ đăng ký, sổ mục kê, tờ bản đồ, nằm ở thửa số 204, tờ bản đồ 01, loại đất màu, với tổng diện tích 13.359m² do Hợp tác xã quản lý. Qua đối chiếu và đăng ký theo Nghị định 64/CP không có tên trong sổ đăng ký, sổ mục kê, tờ bản đồ, tại thửa 132 tờ bản đồ số 02 loại đất RTr.G có tổng diện tích: 4.120m² do UBND quản lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Minh N đối với UBND thành phố Đà Nẵng và UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương Minh N, buộc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành lại quyết định hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương Minh N.

- Hủy Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 163,1m² đất do hộ bà Dương Minh N đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đà Nẵng đã có

Quyết định thu hồi giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2023, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện - ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Minh N, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Dương Minh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Minh N; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường H2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân A1 và ông Mai S vắng mặt. Người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện UBND quận N1 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của bà Dương Minh N (Dương Thị Minh N) với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với diện tích 163,1m² đất đã thu hồi của hộ bà Dương Minh N tại Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1: theo bản đồ 299/TTg thuộc tờ bản đồ số 1, một phần thửa đất số 203, diện tích 17,9m² nằm trong tổng diện tích 408,0m² đất thổ cư do bà Trần Thị P kê khai và 1 phần thửa đất số 204, diện tích 105,1m² nằm trong tổng diện tích 13.359,0m² đất màu do Hợp tác xã quản lý. Phần diện tích 390,1m² đất còn lại nằm trong tổng diện tích 408,0m² đất thổ cư do bà P kê khai đã chuyển nhượng cho các hộ bà Lưu Thị D, Trương Phú Tr, Trần C, Huỳnh Quang Kh, Thái Bá T, Thái Thị Thu Tr1, Nguyễn Thị Mỹ L (trong

đó bao gồm một phần đất thổ cư và một phần thuộc đất màu do Hợp tác xã quản lý). Theo Nghị định 64/CP các hộ trên thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.120,0m², loại đất Rtr/G, do UBND phường H2 quản lý và bà P không có tên chủ sử dụng ruộng đất đối với thửa đất số 132 trong sổ mục kê ruộng đất. Về phía bà N thì cho rằng: ông Mai Xuân A1 và ông Mai S chuyển nhượng cho bà 123m² đất thổ cư tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 02 (đăng ký theo Nghị định 64/CP) tại tổ 1, K1, phường H2 theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND phường H2 ký ngày 22/4/2003; đây là một phần của thửa đất thổ cư số 203 và 551, tờ bản đồ số 1 do bà P đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg nhưng không có tài liệu nào chứng minh quyền quản lý, sử dụng đất hợp pháp của bà P theo quy định của pháp luật về đất đai. Như vậy, việc UBND quận N1 ban hành Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải toả giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng, trong đó có thu hồi 163,1m² đất do hộ bà N đang sử dụng, là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư cho các hộ giải toả dự án khu đô thị sinh thái, công viên văn hoá làng quê và quần thể du lịch sông nước tại phường H2, quận N1, trong đó có nội dung đối với bà Dương Minh N; buộc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành lại quyết định hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương Minh N thì thấy: trên cơ sở nguồn gốc sử dụng đất được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định là đất rừng trồng do UBND phường H2 quản lý nên không có cơ sở bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở hoặc đất khuôn viên. Mặt khác, hồ sơ kiểm định thể hiện trên diện tích đất thu hồi không có nhà ở, bà N không có hộ khẩu tại nơi giải toả nên không đủ điều kiện bố trí tái định cư quy định tại Điều 47 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012, trong đó có nội dung phê duyệt giải quyết hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đồng/m²), diện tích 163,1m² (thay cho mức không đền bù về đất trước đây); bồi thường cây cối, hoa màu trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND cho bà Dương Minh N là thoả đáng, đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Minh N là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Minh N, chấp nhận đề nghị của

đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Minh N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Minh N và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Minh N đối với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết hỗ trợ đền bù, bố trí tái định cư cho các hộ giải tỏa dự án khu đô thị sinh thái, công viên văn hoá làng quê và quần thể du lịch sông nước tại phường H2, quận N1, trong đó có bà Dương Minh N; buộc UBND thành phố Đà Nẵng ban hành lại quyết định hỗ trợ, bồi thường, bố trí tái định cư đối với bà Dương Minh N;

- Hủy Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND quận N1, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong khu vực đất giải tỏa giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng (thu hồi 163,1m² đất do hộ bà Dương Minh N đang sử dụng trong khu đất UBND thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định thu hồi giao cho Công ty Quản lý và Khai thác đất Đà Nẵng quản lý để thực hiện theo quy hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng).

2. Về án phí: bà Dương Minh N phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001441 ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự Tp. Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên